

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/DS-ST
Ngày: 10 - 6 - 2024
Về tranh chấp: “Hợp đồng góp hui”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG,
TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quốc.

2. Bà Hà Thị Cẩm Tiên.

- **Thư ký phiên tòa:** bà Bùi Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** bà Lê Huỳnh Như Nguyễn – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 322/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Đinh Thị Thùy T, sinh năm 1973; địa chỉ: khu phố B, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- **Bị đơn:** Bà Mai Thị G (tên gọi khác: Thanh M), sinh năm 1970; địa chỉ: khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1969; địa chỉ: khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Phi C, sinh năm 1990; khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1996; khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 12 tháng 10 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Đinh Thị Thùy T trình bày:

Giữa bà và bà G, ông D có mối quan hệ quen biết. Bà G có tham gia tổng cộng 03 dây hội do bà làm chủ thảo, cụ thể như sau:

Dây hội thứ nhất: hội mệnh giá 2.000.000 đồng mở ngày 15/01/2022 dương lịch, mãn ngày 15/11/2023 dương lịch. Hội gồm 23 phần, bà G tham gia 01 phần và hót hội vào kỳ thứ 3 được 33.200.000 đồng. Khi đăng hội bà có viết giấy đăng hội, bà G và con trai bà G là anh Nguyễn Phi C cùng ký tên. Sau khi hót hội bà G đóng hội chết cho bà đến tháng 3/2023 thì ngưng. Dây hội này bà G còn nợ lại bà 0 kỳ hội chết (từ tháng 4/2023 đến tháng 11/2023) x 2.000.000 đồng/kỳ = 16.000.000 đồng.

Dây hội thứ hai: hội mệnh giá 2.000.000 đồng mở ngày 15/9/2022 dương lịch, mãn ngày 15/7/2024 dương lịch. Hội gồm 23 phần, bà G tham gia 02 phần và hót hội phần thứ nhất vào kỳ thứ 3 được số tiền 28.800.000 đồng. Khi đăng hội bà có viết giấy đăng hội, một mình bà G ký tên nhận tiền. Sau khi bà G lĩnh phần hội thứ nhất thì bà G tiếp tục đóng hội chết của phần hội thứ nhất và đóng hội sống thêm được 04 kỳ, đến kỳ hội thứ 8 là ngày 15/4/2023 bà G bỏ thăm 560.000 đồng nên trúng hội và hót tiếp phần hội thứ hai được số tiền 34.800.000 đồng. Bà đã giao đủ tiền đăng hội cho bà G, giấy nhận tiền đăng hội do bà G ký tên, chồng bà G là ông Nguyễn Ngọc D ký bảo lãnh. Sau khi hót phần hội thứ hai, bà G tiếp tục đóng hội chết đến tháng 8/2023 thì ngưng. Dây hội này bà G còn nợ lại bà 1 kỳ hội chết (từ tháng 9/2023 đến tháng 7/2024) x 2.000.000 đồng/kỳ x 02 phần = 44.000.000 đồng.

Dây hội thứ ba: hội mệnh giá 1.000.000 đồng mở ngày 15/9/2022 dương lịch, mãn ngày 15/7/2024 dương lịch. Hội gồm 23 phần, bà G tham gia 01 phần và hót hội vào kỳ thứ 2, bà G bỏ thăm 450.000 đồng và lĩnh hội được số tiền 12.550.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 400.000 đồng nên số tiền thực lãnh là 12.150.000 đồng. Khi đăng hội bà có viết giấy đăng hội, bà G và con gái bà G là chị Nguyễn Ngọc T1 cùng ký tên. Sau khi hót hội, bà G đóng hội chết cho bà đến hết tháng 8/2023 thì ngưng. Dây hội này bà G còn nợ lại bà 1 kỳ hội chết (từ tháng 9/2023 đến tháng 7/2024) x 1.000.000 đồng/kỳ = 11.000.000 đồng.

Tổng cộng 03 dây hội bà G còn nợ lại bà số tiền hội chết là 71.000.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2023, bà T yêu cầu bà Mai Thị G, ông Nguyễn Ngọc D, anh Nguyễn Phi C và chị Nguyễn Ngọc T1 cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền hội còn nợ là 71.000.000 đồng (Bảy mươi một triệu đồng). Tuy nhiên, tại buổi hòa giải ngày 18/01/2024 và tại phiên tòa, bà xác định anh C và chị T1 không trực tiếp tham gia giao dịch góp hội với bà nên bà không yêu cầu anh C, chị T1 trả tiền

nợ hui cho bà nữa. Thực tế, số tiền hui chết bà G nợ bà từ tháng 6/2023 đến tháng 8/2023 là 17.000.000 đồng. Sau đó, bà G trả được 7.000.000 đồng và còn nợ lại 10.000.000 đồng nên bà và bà G thỏa thuận bà vay dùm cho bà G 10.000.000 đồng để đóng hui chết cho bà cho đến hết tháng 8/2023. Tuy nhiên, nay bà không khởi kiện bà G đòi với số tiền vay 10.000.000 đồng trên nên bà xác định số tiền hui chết bà G còn nợ bà vẫn là 71.000.000 đồng. Do ông D và bà G là vợ chồng, mục đích bà G chơi hui của bà để phục vụ nhu cầu sinh hoạt trong gia đình nên nay bà yêu cầu vợ chồng bà G, ông D cùng có nghĩa vụ trả cho bà số tiền hui còn nợ là 71.000.000 đồng (Bảy mươi một triệu đồng), bà không yêu cầu tính lãi chậm trả và yêu cầu bà G, ông D trả một lần số tiền trên cho bà. Bà xác định, tính đến ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, ngoài số tiền 71.000.000 đồng trên, bà G, ông D, chị T1, anh C không còn nợ bà số tiền nào khác.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Mai Thị G trình bày:***

Bà xác nhận bà có tham gia 03 dây hui do bà T làm chủ thảo và đã hốt hui như lời trình bày của bà T. Tuy nhiên, thời gian ngưng đóng tiền hui chết và số tiền hui chết còn nợ như bà T trình bày là không đúng. Cả 03 dây hui trên bà đều đóng hui chết cho bà T cho đến tháng 8/2023. Từ tháng 9/2023 cho đến nay bà không đóng hui chết cho bà T nữa.

Sau khi bà hốt hết cả 04 phần hui trên thì mỗi tháng bà phải đóng lại cho bà T số tiền hui chết là 7.000.000 đồng. Tuy nhiên, tháng 6/2023 bà không có tiền nên chỉ đóng cho bà T được 4.000.000 đồng và còn nợ lại 3.000.000 đồng. Tháng 7 và tháng 8/2023 bà không đóng tiền hui chết cho bà T (mỗi tháng 7.000.000 đồng) nên tổng cộng số tiền hui chết bà còn nợ bà T cho đến tháng 8/2023 là 17.000.000 đồng. Ngày 19/8/2023, bà đóng cho bà T 7.000.000 đồng và phụ bà T 1.000.000 đồng tiền lãi nên số tiền hui chết bà còn nợ lại bà T là 10.000.000 đồng. Bà T nói để bà T đi mượn tiền bên ngoài cho bà vay lại để đóng hui chết lại cho bà T. Bà cũng đồng ý nên coi như 10.000.000 đồng hui chết bà đã đóng cho bà T xong và còn nợ lại bà T số tiền vay là 10.000.000 đồng. Do bà đã trả 10.000.000 đồng tiền hui chết cho bà T xong nên dây hui mệnh giá 2.000.000 đồng mở ngày 15/01/2022 bà chỉ còn nợ lại bà T 03 kỳ hui chết (các tháng 9, 10, 11) thành tiền là 6.000.000 đồng. Dây hui mệnh giá 2.000.000 đồng mở ngày 15/9/2022 bà còn nợ lại bà T 11 kỳ hui chết (từ tháng 9/2023 đến tháng 7/2024) x 2.000.000 đồng/kỳ x 02 phần = 44.000.000 đồng. Dây hui 1.000.000 đồng mở ngày 15/9/2022 bà còn nợ lại bà T 11 kỳ hui chết (từ tháng 9/2023 đến tháng 7/2024) x 1.000.000 đồng/kỳ = 11.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền hui chết bà còn nợ lại bà T là 61.000.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền vay là 71.000.000 đồng. Mục đích bà hốt hui của bà T để đóng hui chết cho bà T, trả nợ và chữa bệnh.

Nay bà đồng ý tính 10.000.000 đồng thỏa thuận bà T vay hộ bà nêu trên là tiền

bà nợ hui chết của bà T với điều kiện bà T không được khởi kiện bà hoặc chồng, con bà đối với số tiền 10.000.000 đồng mà bà T thỏa thuận vay cho bà để choàng hui chết cho bà và bà đồng ý cùng ông D trả cho bà T số tiền hui chết còn nợ là 71.000.000 đồng. Do hoàn cảnh của bà khó khăn nên không đồng ý trả một lần số tiền 71.000.000 đồng cho bà T mà xin trả dần 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi trả hết 71.000.000 đồng.

*** Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải ngày 18/01/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Ngọc D trình bày:**

Ông D thống nhất toàn bộ lời trình bày của bà G và đồng ý cùng bà G trả cho bà T số tiền hui còn nợ là 71.000.000 đồng. Bà T không được quyền khởi kiện vợ chồng ông hoặc các con ông đối với số tiền 10.000.000 đồng mà bà T vay dùm cho vợ ông để trả nợ hui cho bà T nữa.

Về cách trả: ông D không đồng ý trả một lần số tiền trên mà xin bà T cho trả dần 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm anh Nguyễn Phi C và chị Nguyễn Ngọc T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Thùy T đối với bà Mai Thị G và ông Nguyễn Ngọc D về việc tranh chấp hợp đồng góp hui. Buộc bà Mai Thị T2 và ông Nguyễn Ngọc D có nghĩa vụ trả cho bà Đinh Thị Thùy T số tiền 71.000.000 đồng. Ghi nhận bà T không yêu cầu tính lãi.

3. Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến và yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Ngọc D vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Phi C và chị Nguyễn Ngọc T1 đã được Toà án triệu tập họp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt ông D, anh C, chị T1 là phù hợp theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền nợ hui nên đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng hợp đồng góp hui được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và có nơi cư trú tại khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh nên căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

[3] Theo Đơn khởi kiện bà Đinh Thị Thùy T khởi kiện yêu cầu bà Mai Thi G1, ông Nguyễn Ngọc D, anh Nguyễn Phi C và chị Nguyễn Ngọc T1 cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền hui còn nợ là 71.000.000 đồng (Bảy mươi một triệu đồng). Tuy nhiên, ngày 18/01/2024, bà T có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà không yêu cầu anh C, chị Thi l đới trả tiền cho bà nữa. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà T là tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu trả số tiền hui chết 71.000.000 đồng của nguyên đơn thấy rằng: bà T và bà G1 đều thống nhất các dây hui mà bà G1 tham gia, thống nhất thời gian lĩnh các dây hui và thời gian bà G1 ngưng đóng hui chết. Hai bên cũng thống nhất số tiền hui chết bà G1 còn nợ bà T là 71.000.000 đồng. Ngoài số tiền 71.000.000 đồng trên, bà G1, ông D, anh C, chị T1 không còn nợ bà T số tiền nào khác. Việc bà G1 không đóng hui chết cho bà T là vi phạm nghĩa vụ góp hui theo quy định tại Điều 16 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ. Để giao hui cho các thành viên khác khi đến kỳ, bà T phải góp các phần hui thay cho bà G1 để đảm bảo hui hoạt động đến cuối kỳ. Trong các dây hui trên, dây hui mệnh giá 2.000.000 đồng mở ngày 15/01/2022 dương lịch, đã kết thúc ngày 15/11/2023 dương lịch. Riêng dây hui mệnh giá 2.000.000 đồng mở ngày 15/9/2022 dương lịch và dây hui mệnh giá 1.000.000 đồng mở ngày 15/9/2022 dương lịch sẽ kết thúc vào ngày 15/7/2024 dương lịch. Tòa án xét xử sơ thẩm ngày 10/6/2024 nên buộc bà G1 có nghĩa vụ thanh toán cho bà T số tiền hui chết cho đến khi hui kết thúc là phù hợp.

[5] Số tiền lãnh hội bà G1 sử dụng để phục vụ các nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của gia đình nên ông D1 phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà G1 trả số tiền hội chết còn nợ cho bà T là phù hợp.

[6] Do đó, nay bà T khởi kiện yêu cầu bà G1 và ông D có nghĩa vụ liên đới thanh toán khoản tiền hội chết 71.000.000 (Bảy mươi một triệu) đồng là phù hợp với quy định tại Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ và Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình. Bà T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền chậm góp hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về cách trả: bà T yêu cầu bà G1, ông D trả một lần số tiền 71.000.000 đồng. Bà G1, ông D xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền 71.000.000 đồng. Xét đây là vấn đề là thuộc giai đoạn thi hành án nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên bà G1, ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Án phí được tính như sau:

$71.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.550.000$ (Ba triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng.

Bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[9] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Thùy T đối với bà Mai Thị G và ông Nguyễn Ngọc D về việc tranh chấp hợp đồng góp hội.

Buộc bà Mai Thị G và ông Nguyễn Ngọc D có nghĩa vụ trả cho bà Đinh Thị Thùy T số tiền 71.000.000 (Bảy mươi một triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Mai Thị G và ông Nguyễn Ngọc D phải chịu 3.550.000 (Ba triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng.

Hoàn trả cho bà Đinh Thị Thùy T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.775.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015092 ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Bà T, bà G được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Ông D, anh C, chị T1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

(Đã ký)

Phạm Thị Yến